

Số: 1578/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo giai đoạn 2021 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2682/TTr-SNN ngày 29/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo giai đoạn 2021 - 2030 như sau:

1. Tên phương án: Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo giai đoạn 2021 - 2030.

2. Tên chủ rừng, địa chỉ

- Tên chủ rừng: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo.

- Địa chỉ: Khối Tân Thủy - thị trấn Tuần Giáo - huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

3. Phạm vi thực hiện: Trong phạm vi diện tích Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo được giao quản lý là 10.399,8 ha (trong đó: Diện tích đất có rừng 8.064,64 ha; diện tích đất chưa có rừng 2.335,16 ha).

4. Mục tiêu

Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát triển bền vững tài nguyên đất, tài nguyên rừng được giao để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, hạn chế xói mòn,

sạt lở bồi lắng lòng sông, lòng suối; điều tiết, duy trì nguồn nước cho các công trình thủy điện, các công trình thủy lợi phục vụ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Tuần Giáo; tạo ra nguồn thu nhập ổn định, góp phần quan trọng vào việc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân trong khu vực.

5. Kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, bảo tồn; nhu cầu, nguồn vốn đầu tư

5.1. Kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, bảo tồn

a) Kế hoạch sử dụng đất:

- Đối với diện tích đất có rừng (8.064,64 ha): Tổ chức giao khoán bảo vệ cho các cộng đồng dân cư.

- Đối với diện tích đất chưa có rừng (2.335,16 ha): Tuyên truyền, vận động người dân trong vùng tham gia nhận khoán trồng rừng (khoảng 470 ha), khoanh nuôi tái sinh rừng (khoảng 1.865,16 ha) để đảm bảo toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp được giao thành rừng.

b) Kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng:

- Bảo vệ rừng: Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có và diện tích rừng tăng thêm hàng năm (sau khi thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng); tổ chức khoán bảo vệ toàn bộ diện tích rừng của đơn vị cho các cộng đồng dân cư; tổng khối lượng thực hiện khoán bảo vệ là 91.550,13 lượt ha.

- Phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, tổ chức các lớp tập huấn, diễn tập về phòng cháy, chữa cháy rừng; thực hiện phân vùng trọng điểm cháy; tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng; đầu tư xây dựng các công trình, mua sắm trang thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Phòng trừ sinh vật gây hại rừng: Tổ chức tuần tra bảo vệ rừng gắn liền với công tác phòng trừ sâu bệnh hại; phối hợp với các bên liên quan phát hiện, xử lý kịp thời sâu bệnh hại rừng, không để sâu bệnh hại lây lan thành dịch.

- Bảo tồn đa dạng sinh học: Xây dựng kế hoạch, tổ chức công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học của tổ chức, cá nhân, cộng đồng địa phương; tăng cường công tác phối hợp với lực lượng Kiểm lâm địa bàn, chính quyền các địa phương tuần tra, phát hiện, ngăn chặn xử lý các hành vi khai thác trái phép các loài động, thực vật rừng.

c) Kế hoạch phát triển rừng:

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 7.567,87 lượt ha.

- Trồng rừng: 470 ha.

- Chăm sóc rừng trồng: 1.110 lượt ha.

d) Khai thác lâm sản rừng phòng hộ (khai thác lâm sản ngoài gỗ):

Hướng dẫn chủ nhận khoán bảo vệ rừng thực hiện khai thác các loại lâm sản (khai thác lâm sản ngoài gỗ) trong diện tích rừng nhận khoán khi đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành về khai thác lâm sản.

e) Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực:

- Nghiên cứu xây dựng 05 mô hình phát triển cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng.

- Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ cao trong quản lý, giám sát sự thay đổi tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp trên diện tích được giao.

- Tổ chức 01 lớp tập huấn nâng cao năng lực về quản lý rừng bền vững cho viên chức của đơn vị.

- Tổ 05 lớp bồi dưỡng ứng dụng hệ thống thông tin lâm nghiệp bằng các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

f) Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

Xây dựng “*Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên diện tích đất, rừng phòng hộ được giao quản lý*” theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật hiện hành có liên quan để làm cơ sở thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào du lịch sinh thái, thực hiện cho thuê môi trường rừng.

g) Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng:

- Xây dựng mới 03 trạm quản lý bảo vệ rừng.

- Xây dựng 25 km đường tuần tra bảo vệ rừng.

- Xây dựng mới 04 chòi canh lửa.

- Xây dựng bảng cấp dự báo cháy rừng (11 bảng); bảng chỉ dẫn chỉ dẫn thông tin về hệ thống rừng phòng hộ (06 bảng); biển cấm lửa, cấm chặt phá rừng (100 bảng).

- Cắm mốc, bảng phân định ranh giới rừng: 300 cái.

h) Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng:

Hỗ trợ hướng dẫn quy trình trồng rừng, trồng các loài cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng.

i) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng:

Tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho các nhà máy thủy điện; bảo vệ cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thuê môi trường rừng khi đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành; từng bước chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các bon của rừng, giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh khi có nguồn vốn hỗ trợ.

k) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng:

- Thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ rừng cho tổ chức cá nhân, cộng đồng địa phương.

- Tuyên truyền sâu rộng về Luật Lâm nghiệp, các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Tổ chức các lớp tập huấn, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; xây dựng các chuyên mục tuyên truyền qua báo đài địa phương.

- Thực hiện ký cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

l) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng:

- Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng: thường xuyên theo dõi diễn biến tài nguyên rừng trên diện tích đất rừng được giao; cung cấp số liệu cho Hạt Kiểm lâm huyện Tuần Giáo để tổng hợp, theo dõi, báo cáo chung.

- Giám sát đa dạng sinh học: Giám sát sự tồn tại, phát triển các quần thể các của các loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm trong khu vực rừng phòng hộ để kịp thời thực hiện các biện pháp bảo vệ và tác động khi cần thiết.

- Việc điều tra, kiểm kê rừng được thực hiện khi đến kỳ kiểm kê (10 năm một lần), đơn vị thực hiện kiểm kê rừng trên diện tích được giao quản lý.

5.2. Nhu cầu, nguồn vốn vốn đầu tư: 115.153 triệu đồng, trong đó:

a) Phân theo hoạt động đầu tư:

- Bảo vệ rừng: 64.382 triệu đồng.

- Phát triển rừng: 37.426 triệu đồng.

- Nghiên cứu khoa học, đào tạo, tập huấn: 2.200 triệu đồng.

- Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng: 400 triệu đồng.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng: 10.745 triệu đồng.

b) Phân theo nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm thông qua các chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng): 50.771 triệu đồng.

- Nguồn vốn dịch vụ môi trường rừng: 64.382 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo thực hiện Phương án theo đúng nội dung được phê duyệt.

b) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan kêu gọi, thu hút nguồn vốn đầu tư, tham mưu bố trí các nguồn vốn để tổ chức thực hiện Phương án.

2. Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Tổ chức kêu gọi, thu hút nguồn vốn đầu tư, tham mưu bố trí các nguồn vốn hợp pháp để tổ chức thực hiện Phương án.

3. UBND huyện Tuần Giáo

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo thực hiện Phương án theo nội dung được phê duyệt.

b) Tổ chức kêu gọi, thu hút nguồn vốn đầu tư; chủ động cân đối, bố trí các nguồn vốn hợp pháp để tổ chức thực hiện Phương án.

4. Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo

a) Tổ chức thực hiện Phương án theo các nội dung được phê duyệt.

b) Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất, kêu gọi, thu hút nguồn vốn đầu tư, tham mưu bố trí các nguồn vốn hợp pháp để tổ chức thực hiện Phương án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Tuần Giáo; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- LB UBND tỉnh;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Lưu: VT, KTN_(TVH)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Lò Văn Tiến